

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2024

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tuấn

Ông Trịnh Quyết Thắng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:** Bà Lương Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 85/2024/TLST - HNGĐ ngày 29/5/2024 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 22/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02 ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lâu Thị G** sinh năm 2003.

Địa chỉ thường trú: **Bản P, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên**, có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Vừ A T**, sinh năm 2003

Địa chỉ thường trú: **Bản H, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên**, vắng mặt lần 3 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 21/5/2024, bản tự khai, nguyên đơn chị **Lâu Thị G** trình bày:*

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Lâu Thị G** và anh **Vừ A T** qua tự nguyện tìm hiểu đã chung sống chung như vợ chồng từ năm 2019, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến 17/10/2023 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên**. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh **T** không tu chí làm ăn, chăm sóc gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do không thể chịu đựng được cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị **G** đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống tại bản Pa Soan I, **xã H, huyện M** từ tháng 2 năm

2024. Trong thời gian sống ly thân, chị **G**, anh **T** không liên lạc, không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **G** đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh **Vừ A T**.

2. **Về con chung:** Chị **Lâu Thị G** và anh **Vừ A T** có 03 con chung: **Vừ A P**, sinh ngày 13/01/2020, **Vừ Mai P1**, sinh ngày 10/7/2021 và **Vừ A V** sinh ngày 26/3/2023. Hiện nay cháu **P** và **V** đang ở với anh **T** tại xã **P**, huyện **T**, còn cháu **P1** đang ở với chị **G**. Khi ly hôn chị **G** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là **Vừ Mai P1** sinh ngày 10/7/2021 và **Vừ A V** sinh ngày 26/3/2023 đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu **Vừ A P** cho anh **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị **G** không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản:

- Tài sản chung, tài sản riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: (**N** phải trả, nợ lấy về): Không có.

Sau khi thụ lý vụ án ngày 29/5/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của anh **Vừ A T** tại **Công an xã P** và tại địa phương anh **T** sinh sống. Qua xác minh cho thấy: Anh **T** có đăng ký thường trú và sinh sống cùng gia đình bố mẹ đẻ tại **bản H, xã P, huyện T**. Anh **T** đã đi làm ăn tại địa phương khác từ tháng 6 năm 2024 thỉnh thoảng có về gia đình nhưng không đăng ký tạm trú tạm vắng tại địa phương khác nên không thể biết anh **T** làm ăn ở đâu nên Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh **T**. Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho ông **T1** bản Hát Lầu, **xã P, huyện T** và niêm yết công khai các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết các văn bản tố tụng anh **T** vẫn không có mặt nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Ngày 04/7/2024, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự song anh **T** vắng mặt không có lý do, Tòa án đã lập biên bản về sự vắng mặt không có lý do của anh **T** và tiến hành niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Cùng ngày 04/7/2024, chị **Lâu Thị G** đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 08/8/2024, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo và đã niêm yết theo quy định của pháp luật song anh **T** vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa theo luật định.

Tại phiên tòa ngày 06/9/2024, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự: Quyết định tạm ngừng phiên tòa thu thập bổ sung chứng cứ, xác minh lấy ý kiến của ông **Vừ A C** đối với con chung của anh **T** và chị **G** đang sống cùng ông **Vừ A C**.

Tại phiên tòa ngày 30/9/2024, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị **G** giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện, bản tự khai về phần quan hệ hôn nhân và quan hệ tài sản. Tuy nhiên về phần con chung chị thay đổi yêu cầu khởi kiện: Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu **P** và cháu **V**, do anh **T** đi làm ăn xa không có điều kiện trực tiếp nuôi chung, cháu **Vừ A V** chị đã đón về trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu **P** hiện nay đang ở với ông **C**, chị đề nghị nuôi cả ba con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết phân cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật: Về thẩm quyền và trình tự thủ tục, Thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận cho nguyên đơn chị **Lâu Thị G** được ly hôn với bị đơn anh **Vừ A T** theo Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84, Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự: Giao ba cháu: **Vừ A P**, sinh ngày 13/01/2020, **Vừ Mai P1**, sinh ngày 10/7/2021 và **Vừ A V** sinh ngày 26/3/2023 cho chị **G** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chấp nhận việc chị **G** không yêu cầu Tòa án giải quyết phân cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Tài sản chung, tài sản riêng: Chị **G** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: (Nợ phải trả, nợ lấy về): Chị **G** khai không có.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị **Lâu Thị G** là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí và có đơn xin được miễn án phí, đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị **Lâu Thị G**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Chị **Lâu Thị G** và anh **Vừ A T** kết hôn vào ngày 17 tháng 10 năm 2023, đến thời điểm giải quyết, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực, do vậy Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3]. Về việc hoãn phiên tòa và xét xử vắng mặt đương sự: Ngày 08/8/2024, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo mở phiên tòa xét xử song bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự,

HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 06/9/2024, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự: Quyết định tạm ngừng phiên tòa thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ. Tại phiên tòa ngày 30/9/2024, chị **G** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **T** vắng mặt lần 3 không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về việc bổ sung thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa ngày 30/9/2024, tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị **G** thay đổi về việc nuôi con chung, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy việc thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **G** và anh **T** lấy nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân, xác minh nơi cư trú, tổng đạt cho ông **T1** bản Hát Lầu, **xã P** và niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật để anh **T** thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự song anh **T** vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Anh Tú đã không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị **G**, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, đã thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật, vi phạm các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Tú đã tự từ bỏ các quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngày 04/7/2024, chị **G** có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 30/5/2024 tại bản Hát Lầu, **xã P**, biên bản xác minh đối với ông **Vừ A C** bố của anh **Vừ A T**, biên bản xác minh tại bản Bản Pa Soan 1, **xã H, huyện M** cũng đã thể hiện về nguyên nhân mâu thuẫn do anh **T** không tu chí làm ăn chăm sóc gia đình khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, chị **G** đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và sinh sống tại **Bản P, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên** từ tháng 2/2024, từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa.

HĐXX xét thấy: Mặc dù anh **T** không có mặt tại Tòa án để thể hiện ý kiến quan điểm của mình về quan hệ hôn nhân, song qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua quá trình Tòa án thu thập chứng cứ xác minh tình trạng hôn nhân, đủ cơ sở khẳng định nguyên nhân mâu thuẫn do anh **T** không tu chí làm ăn cùng chị **G**, chăm lo xây dựng cuộc sống gia đình khiến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng là có thật và đúng như lời khai của chị **G**. Mục đích hôn nhân là vợ chồng gần gũi, thương yêu chăm sóc, quý trọng giúp đỡ lẫn nhau không có, quan hệ hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị **G** xin ly hôn với anh **T** cần được chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[6]. Xét nguyện vọng về con chung và cấp dưỡng: Chị **Lâu Thị G**, anh **Vừ A T**

có ba con chung: **Vừ A P**, sinh ngày 13/01/2020, **Vừ Mai P1**, sinh ngày 10/7/2021 và **Vừ A V** sinh ngày 26/3/2023, hiện cháu **P1**, cháu **V** đang ở với chị **G**, cháu **P** đang ở với ông **C** và anh **T**. Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân điều kiện nuôi con tại **Bản P, xã H, huyện M** thì chị **G** sống cùng bố mẹ đẻ, vừa làm ruộng vừa làm thuê có thu nhập đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Anh Tú không có quan điểm gì về con chung trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên anh **T** đã tự từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

HĐXX xét nguyện vọng và khả năng chăm sóc nuôi dưỡng con của chị **G**, Hội đồng xét xử quyết định: Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, quyết định giao ba cháu: **Vừ A P**, sinh ngày 13/01/2020, **Vừ Mai P1**, sinh ngày 10/7/2021 và **Vừ A V** sinh ngày 26/3/2023 cho chị **Lâu Thị G** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động, chấp nhận việc chị **G** không yêu cầu Tòa án giải quyết phân cấp dưỡng nuôi con chung.

[6]. Về quan hệ tài sản: Tài sản chung, tài sản riêng: Chị **G** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: (Nợ phải trả, nợ lấy về): Chị **G** khai không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị **Lâu Thị G** là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí và có đơn xin được miễn án phí, HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị **Lâu Thị G**.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình, tuyên xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận cho nguyên đơn chị **Lâu Thị G** được ly hôn với bị đơn anh **Vừ A T**.

2. **Về con chung:** Giao ba cháu: **Vừ A P**, sinh ngày 13/01/2020, **Vừ Mai P1**, sinh ngày 10/7/2021 và **Vừ A V** sinh ngày 26/3/2023 cho chị **Lâu Thị G** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động, chấp nhận việc chị **Lâu Thị G** không yêu cầu Tòa án giải quyết phân cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Tài sản chung, tài sản riêng: Chị **G** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: (Nợ phải trả, nợ lấy về): Chị **G** khai không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị **Lâu Thị G.**

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **Lâu Thị G**, bị đơn anh **Vừ A T** vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã Pú X (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Đình Hà

